

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**ĐẶNG THỊ PHƯƠNG DUNG**

**QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG**  
**CHO VAY ĐẦU TƯ DỰ ÁN TẠI NGÂN HÀNG**  
**TMCP SÀI GÒN - CN ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành: Tài chính và Ngân hàng**  
**Mã số: 60.34.20**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ**  
**QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Đà Nẵng - Năm 2011**

Công trình được hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Thanh Liêm**

**Phản biện 1 : PGS.TS. Lâm Chí Dũng**

**Phản biện 2 : PGS.TS. Trần Thị Hà**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 01 tháng 07 năm 2011.

*\* Có thể tìm hiểu luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Rủi ro tín dụng là một thực tế hiển nhiên ở bất cứ ngân hàng nào kể cả những ngân hàng hàng đầu thế giới. Do đó, xây dựng mô hình quản trị rủi ro tín dụng hiệu quả, phù hợp với điều kiện của từng ngân hàng là một đòi hỏi bức thiết để đảm bảo hạn chế rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng, hướng đến các chuẩn mực quốc tế, tăng tính cạnh tranh trong môi trường hội nhập.

Qua ba năm hoạt động, hoạt động tín dụng tại SCB Đà Nẵng đã không tránh khỏi những rủi ro gây thiệt hại, đặc biệt là cho vay đầu tư dự án, vì thời hạn cho vay các dự án thường dài, nguồn thu nhập trong tương lai lại không chắc chắn. Bên cạnh đó, dư nợ cho vay đầu tư dự án luôn chiếm tỷ lệ cao nhất trong tổng dư nợ tại SCB Đà Nẵng. Vì vậy, việc quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư dự án đang là mục tiêu hướng đến của SCB Đà Nẵng trong chiến lược phát triển tín dụng bền vững.

Xuất phát từ lý do trên, tôi chọn đề tài nghiên cứu “Quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư dự án tại ngân hàng TMCP Sài Gòn – CN Đà Nẵng”.

### 2. Mục đích nghiên cứu

Nhằm nhận thức rõ cơ sở lý luận về quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ĐTDA, phân tích thực trạng hoạt động cho vay ĐTDA và chất lượng công tác quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ĐTDA tại SCB Đà Nẵng. Đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ĐTDA tại SCB Đà Nẵng.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu những vấn đề về quản trị rủi ro và các giải pháp hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ĐTDA.

Nghiên cứu về thực tế hoạt động cho vay ĐTDA và công tác quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ĐTDA tại SCB Đà Nẵng.

#### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Trong quá trình nghiên cứu và hoàn thiện, luận văn dựa trên cơ sở vận dụng phép duy vật biện chứng kết hợp với các phương pháp như:

- Phương pháp phân tích.
- Phương pháp thống kê, tổng hợp.
- Phương pháp so sánh.
- Đồng thời dựa vào các lý luận, quan điểm kinh tế, tài chính

và xuất phát từ thực tiễn để làm sáng tỏ các vấn đề nghiên cứu.

#### **5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài**

Luận văn đã hệ thống lý luận cơ bản về quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư dự án.

Đề xuất các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của SCB Đà Nẵng, góp phần hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ĐTDA tại chi nhánh

#### **6. Kết cấu luận văn**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn được kết cấu gồm 3 chương:

**Chương 1:** Cơ sở lý luận về quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư dự án.

**Chương 2:** Thực trạng công tác quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư dự án tại ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Đà Nẵng.

**Chương 3:** Một số giải pháp hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư dự án tại SCB Đà Nẵng.

## **CHƯƠNG 1**

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY ĐẦU TƯ DỰ ÁN**

#### **1.1. TỔNG QUAN RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY ĐẦU TƯ DỰ ÁN**

##### **1.1.1. Dự án đầu tư**

###### ***1.1.1.1. Khái niệm***

Dự án đầu tư là một tập hợp những đề xuất về việc bỏ vốn để tạo mới, mở rộng hoặc cải tạo những đối tượng nhất định nhằm đạt được sự tăng trưởng về khối lượng, cải tiến hoặc nâng cao chất lượng của sản phẩm hay dịch vụ nào đó trong một khoảng thời gian xác định.

###### **Dự án đầu tư có những đặc trưng sau:**

- Dự án đầu tư có mục tiêu rõ ràng cần đạt tới khi thực hiện.
- Dự án đầu tư không phải là một nghiên cứu hay dự báo mà là một quá trình tác động để đạt đến mục tiêu mong đợi.
- Dự án đầu tư là một hoạch định cho tương lai nên bao giờ cũng có độ bất ổn và những rủi ro nhất định.
- Các hoạt động của dự án đầu tư theo một kế hoạch và có giới hạn nhất định về các nguồn lực.

###### ***1.1.1.2. Phân loại dự án đầu tư***

##### **1.1.2. Rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư dự án**

###### ***1.1.2.1. Khái niệm rủi ro***

Rủi ro là những biến cố ngẫu nhiên có thể đo lường được bằng xác suất, gây nên những thiệt hại, mất mát, nguy hiểm cho con người và các hoạt động của con người.

### ***1.1.2.2. Những loại rủi ro chủ yếu trong hoạt động kinh doanh ngân hàng***

Các ngân hàng thường quan tâm đến 6 loại rủi ro chính sau: Rủi ro tín dụng; Rủi ro thanh khoản; Rủi ro thị trường; Rủi ro lãi suất; Rủi ro thu nhập; Rủi ro phá sản.

#### ***1.1.2.3. Rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư dự án***

##### ***Khái niệm***

Rủi ro tín dụng trong cho vay ĐTDA là rủi ro khi một phần hoặc toàn bộ các khoản cho vay ĐTDA của ngân hàng không thu hồi được đầy đủ cả gốc và lãi hoặc việc thanh toán gốc và lãi không đúng hạn.

##### ***Đặc điểm rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư dự án***

- Rủi ro tín dụng trong cho vay ĐTDA mang tính chất gián tiếp
- Rủi ro tín dụng trong cho vay ĐTDA rất đa dạng và phức tạp
- Rủi ro tín dụng trong cho vay ĐTDA mang tính tất yếu, luôn gắn liền với hoạt động tín dụng của các NHTM

#### ***1.1.2.4. Phân loại rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư dự án***

❖ Rủi ro do môi trường thiên nhiên: động đất, thiên tai lũ lụt, hạn hán, bệnh dịch, hỏa hoạn.

❖ Rủi ro do môi trường kinh tế chính trị: Suy thoái kinh tế, thay đổi chính sách lãi suất, thuế, tỷ giá, thuế quan, hạn ngạch, các giới hạn thương mại và các chính sách kiểm soát ngoại hối, lạm phát.

❖ Rủi ro do môi trường pháp lý của dự án: Rủi ro chậm trễ trong việc cấp phép đầu tư, cấp phép xây dựng dự án, rủi ro việc hoàn tất hồ sơ pháp lý của dự án.

❖ Rủi ro xuất phát từ bản thân dự án: Rủi ro xây dựng, hoàn thành và kỹ thuật của dự án, rủi ro thị trường yếu tố đầu vào, đầu ra của dự án, Rủi ro về khả năng thanh khoản của dự án.

❖ Rủi ro do các nguyên nhân từ phía KH vay: Không tuân thủ

đầy đủ các quy định của pháp luật và các cơ quan chức năng trong quá trình triển khai thực hiện dự án, những yếu kém và hạn chế trong việc triển khai, quản lý và giám sát dự án, những yếu kém trong quản lý thanh khoản, dòng tiền của dự án...

❖ Rủi ro do nguyên nhân từ phía ngân hàng

- Nguyên nhân do nghiệp vụ ngân hàng

- Nguyên nhân do cán bộ ngân hàng

❖ Rủi ro về tài sản đảm bảo: Hồ sơ pháp lý của tài sản không đầy đủ, có sự tranh chấp về quyền sở hữu, Giá trị tài sản giảm không đủ trả nợ gốc lãi cho ngân hàng, Tài sản có tính khả mại thấp.

## **1.2. QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY ĐÀU TƯ DỰ ÁN**

### **1.2.1. Khái niệm**

Quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ĐTDA là việc chủ động kiểm soát các sự kiện trong tương lai ảnh hưởng đến khoản cho vay ĐTDA dựa trên cơ sở kết quả dự báo trước các sự kiện xảy ra mà không phải là phản ứng thụ động. Là quá trình liên tục, được thực hiện trong tất cả các giai đoạn của chu kỳ dự án, kể từ khi mới hình thành cho đến khi kết thúc dự án.

### **1.2.2. Nguyên tắc quản trị rủi ro**

- Thường xuyên cân nhắc chi phí – lợi ích

- Chiến lược quản trị rủi ro phải phù hợp với các nguồn lực

- Phân cấp quyết định quản trị rủi ro phù hợp

- Kết hợp quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ĐTDA với các quyết định quản trị khác

### **1.2.3. Quy trình quản trị rủi ro**

❖ **Nhận dạng rủi ro**

Nhận dạng rủi ro là một quá trình xác định liên tục và có hệ

thống các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình cho vay, bao gồm việc theo dõi, xem xét, nghiên cứu môi trường hoạt động và toàn bộ mọi hoạt động của dự án nhằm thống kê được tất cả các rủi ro, không chỉ những rủi ro đã và đang xảy ra mà còn dự kiến được những dạng rủi ro mới có thể xuất hiện.

### ***Các phương pháp nhận dạng rủi ro***

- Lập bảng câu hỏi nghiên cứu về rủi ro và tiến hành điều tra: Các câu hỏi thường xoay quanh những vấn đề như: các khoản cho vay ĐTDA tương tự đã gặp phải những loại rủi ro nào? Tổn thất bao nhiêu? Số lần xuất hiện của loại rủi ro đó trong một kỳ nhất định? Những biện pháp phòng ngừa, tài trợ đã được sử dụng? Kết quả đạt được? Những rủi ro chưa xảy ra nhưng có thể xuất hiện?...

- Phân tích các báo cáo tài chính của doanh nghiệp vay vốn.

- Thanh tra hiện trường: quan sát, theo dõi trực tiếp tình hình thực tế về địa điểm xây dựng dự án, quá trình thực hiện dự án, quá trình sử dụng vốn vay của KH để đầu tư vào dự án, quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của dự án, cơ cấu tổ chức hoạt động của dự án...sau đó sẽ tiến hành phân tích, đánh giá để nhận dạng rủi ro.

- Phân tích các hợp đồng: phân tích tính pháp lý cũng như các điều khoản của hợp đồng xây dựng dự án, hợp đồng đầu ra, đầu vào của dự án nhằm phát hiện các rủi ro có thể xảy ra ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng dự án, rủi ro đối với thị trường đầu ra và đầu vào của dự án: rủi ro trong thực hiện hợp đồng, rủi ro trong thanh toán...

- Phân tích lưu đồ: phân tích từ khâu đầu tiên là tiếp nhận hồ sơ đến khâu thẩm định tín dụng, ra quyết định cấp tín dụng, giải ngân, theo dõi khoản vay cho đến khâu cuối cùng là thanh lý hợp đồng. Vì rủi ro có thể xảy ra ở bất cứ khâu nào nên việc theo sát quy trình sẽ giúp ngân hàng xác định rủi ro xuất hiện và tập trung nhất ở khâu



nào để có biện pháp kiểm soát kịp thời, hiệu quả.

- Thu thập thông tin: thu thập thông tin từ nhiều nguồn: từ KH cung cấp, trung tâm thông tin tín dụng CIC, từ đối tác của KH, tạp chí, đài, truyền hình, mạng điện tử... giúp ngân hàng có cái nhìn tổng quát, thêm nhiều thông tin về KH vay vốn, khắc phục những rủi ro do thông tin bất đối xứng, thiếu thông tin để đánh giá KH

❖ **Đo lường rủi ro**

Đo lường rủi ro sẽ giúp các ngân hàng xác định mức độ nghiêm trọng của các loại rủi ro, rủi ro nào xuất hiện nhiều, rủi ro nào xuất hiện ít, rủi ro nào gây hậu quả nghiêm trọng, rủi ro nào ít nghiêm trọng hơn,... từ đó mới có biện pháp quản trị rủi ro thích hợp. Để đo lường rủi ro chúng ta cần thu thập số liệu nhằm phân tích đánh giá hai chỉ tiêu sau:

- Tần suất xuất hiện của rủi ro: khả năng xảy ra biến cố nguy hiểm đối với khoản vay trong một khoảng thời gian nhất định.

- Mức độ nghiêm trọng của rủi ro: mức độ tổn thất, mất mát, nguy hiểm đến khoản vay nếu rủi ro đó xảy ra.

Trên cơ sở kết quả thu được, lập ma trận đo lường rủi ro.

**MA TRẬN ĐO LƯỜNG RỦI RO**

Tần suất xuất hiện \ Mức độ nghiêm trọng	Cao	Thấp
	Cao	I
Thấp	III	IV

Sau khi đo lường rủi ro người ta sẽ tập trung quản trị những rủi ro nhóm I trước sau đó đến nhóm II, rồi nhóm III, cuối cùng là nhóm IV.

### ***Các phương pháp đo lường rủi ro tín dụng trong cho vay ĐTDA***

- Mô hình định tính

- Phân tích tín dụng: ta sử dụng mô hình 6C để xem xét trong phân tích tín dụng, bao gồm 6 yếu tố: Tư cách người vay (Character); Năng lực của người vay (Capacity); Thu nhập của người vay (Cash); Bảo đảm tiền vay (Collateral); Các điều kiện (Conditions; Kiểm soát (Control).

- Kiểm tra tín dụng: Kiểm tra quá trình sử dụng vốn vay của KH; Việc thực hiện cam kết theo hợp đồng tín dụng; Hoạt động kinh doanh của KH; Kế hoạch trả nợ của KH; Chất lượng và tính pháp lý của tài sản bảo đảm; Tăng cường công tác kiểm tra khoản tín dụng khi nền kinh tế có chiều hướng đi xuống, hoặc những ngành nghề cho vay có biểu hiện nghiêm trọng trong phát triển.

- Phân tích độ nhạy của dự án
- Phân tích tình huống.
- Phân tích mô

#### ***❖ Kiểm soát rủi ro***

Việc sử dụng các biện pháp, kỹ thuật, công cụ, chiến lược, các chương trình hoạt động... để ngăn ngừa, giảm thiểu những tổn thất, những ảnh hưởng không mong đợi có thể xảy ra đối với khoản vay. Một số biện pháp kiểm soát rủi ro:

- Né tránh rủi ro: loại bỏ khả năng bị thiệt hại, ngân hàng không chấp nhận cho vay đối với các dự án có độ rủi ro quá lớn.

- Chấp nhận rủi ro: ngân hàng chấp nhận cấp tín dụng cho khoản vay ĐTDA, sẵn sàng chấp nhận những rủi ro thiệt hại đến với khoản vay nếu nó xuất hiện.

- Ngăn ngừa rủi ro: thông qua các biện pháp nghiệp vụ của

ngân hàng nhằm làm giảm đến mức thấp nhất sự không chắc chắn của các yếu tố trọng yếu làm ảnh hưởng đến hiệu quả của dự án

- Chuyển giao rủi ro: ngân hàng sẽ liên kết với nhiều ngân hàng khác cùng cho vay một dự án đầu tư để cùng chịu rủi ro.

- Ngăn ngừa và giảm thiểu tổn thất: Xử lý tài sản đảm bảo, cơ cấu lại khoản vay, cơ cấu lại khoản vay, khởi kiện ra tòa để thu hồi vốn, bán nợ.

❖ **Tài trợ rủi ro:**

Việc ngân hàng chuẩn bị các nguồn tài chính để bù đắp cho những tổn thất khi rủi ro tín dụng xảy ra nhằm tránh cho ngân hàng rơi vào tình trạng khó khăn và khủng hoảng. Một số biện pháp tài trợ rủi ro:

- Tăng cường công tác trích lập dự phòng rủi ro.
- Mua bảo hiểm tín dụng.
- Mua bảo hiểm tài sản hình thành từ vốn vay.
- Chứng khoán hoá.

**1.2.4. Các chỉ số đánh giá rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư dự án**

- Tỷ lệ nợ quá hạn
- Tỷ lệ nợ xấu
- Tỷ lệ xóa nợ ròng
- Tỷ lệ trích lập dự phòng tổn thất tín dụng
- Tỷ lệ phân bổ dự phòng

**1.2.5. Ý nghĩa công tác quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư dự án**

- ❖ *Đối với bản thân ngân hàng thương mại*
- ❖ *Đối với nền kinh tế quốc dân*
- ❖ *Đối với quan hệ quốc tế*

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY ĐÀU TƯ DỰ ÁN TẠI NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN-CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

#### **1.3. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN – CN ĐÀ NẴNG**

##### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển**

##### **2.1.2. Cơ cấu tổ chức và mạng lưới hoạt động của SCB Đà Nẵng**

Chi nhánh hiện có 6 phòng giao dịch trực thuộc: Phòng giao dịch Lê Duẩn, Phòng giao dịch Hàm Nghi, Phòng giao dịch Phan Đăng Lưu, Phòng giao dịch Hoàng Diệu, Phòng giao dịch Liên Chiểu, Phòng giao dịch Sơn Trà.

##### **2.1.3. Tình hình hoạt động kinh doanh tại SCB Đà Nẵng**

###### **2.1.3.1. Hoạt động huy động vốn**

###### **2.1.3.2. Hoạt động cho vay**

Trong năm 2007, do SCB Đà Nẵng mới thành lập, là một chi nhánh còn non trẻ chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường nên dư nợ cho vay không cao. Sang năm 2008 với sự nỗ lực không ngừng, SCB Đà Nẵng đã đẩy dư nợ tăng 81,94% so với năm 2007. Tuy nhiên vào cuối năm 2008 và năm 2009, nền kinh tế nước ta lại rơi vào tình trạng khó khăn do chịu ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới, điều này đã tác động mạnh mẽ đến các doanh nghiệp Việt Nam đặc biệt là ngành tài chính. Và SCB nói chung cũng như SCB Đà Nẵng cũng không nằm ngoài tác động đó, hoạt động kinh doanh đặc biệt là hoạt động tín dụng không tăng trưởng.

**2.1.3.3. Kết quả hoạt động kinh doanh**

**2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY ĐTDA TẠI SCB ĐÀ NẴNG**

**2.2.1. Dư nợ và chất lượng tín dụng trong cho vay đầu tư dự án**

**2.2.1.1. Dư nợ**

Bảng 2.8: Dư nợ cho vay ĐTDA tại SCB Đà Nẵng giai đoạn 2007-2009

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008		Năm 2009	
	Số tiền	Số tiền	Tăng/ giảm (%)	Số tiền	Tăng/ giảm (%)
Tổng dư nợ	338.223	615.368	+81,9	552.432	-10,2
Dư nợ cho vay ĐTDA	151.765	340.926	+124,6	395.926	+16,1
Tỷ lệ dư nợ cho vay ĐTDA/dư nợ	44,87%	55,4%		71,67%	
1. Công nghiệp chế biến	133.765	323.792	+142,1	310.088	-4,2
2. Vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc				31.002	-
3. Xây dựng	18.000	17.134	-4.8	54.836	+220.0

*Nguồn: Tổng hợp Báo cáo của SCB Đà Nẵng qua các năm*

Dư nợ cho vay ĐTDA luôn chiếm tỷ lệ cao nhất trong tổng dư nợ của SCB Đà Nẵng và tỷ lệ này ngày càng tăng, từ 44,87% vào thời điểm cuối năm 2007 đến cuối năm 2009 tỷ lệ này là 71,67%. Qua đó cho thấy, SCB Đà Nẵng chú trọng đến cho vay ĐTDA nhiều hơn các lĩnh vực khác. Năm 2009 SCB Đà Nẵng gần như không cho vay tiêu dùng, vẫn duy trì cho vay ĐTDA nên mặc dù năm 2009 tổng dư nợ cho vay giảm 10,2% những dư nợ cho vay ĐTDA vẫn tăng 16,1%.

Đến 30/09/2010 thì dư nợ cho vay ĐTDA là 391.350 triệu đồng, có giảm so với năm 2009 nhưng không nhiều khoản 1,15% chủ yếu là do trả gốc đến hạn. Trong chín tháng năm 2010, SCB Đà Nẵng không cho vay dự án mới chỉ tiếp tục giải ngân cho các khoản vay đã được duyệt cho vay trong năm 2009.

### 2.2.1.2. Chất lượng tín dụng trong cho vay đầu tư dự án

Bảng 2.9: Nợ quá hạn, nợ xấu cho vay ĐTDA tại SCB Đà Nẵng giai đoạn 2007-2009

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Dư nợ cho vay ĐTDA	151.765	340.926	395.926
Nợ quá hạn cho vay ĐTDA	0	53.940	50.325
Tỷ lệ nợ quá hạn cho vay ĐTDA /dư nợ cho vay ĐTDA	0	15,82%	12,71%
Nợ xấu cho vay ĐTDA	0	52.430	50.325
Tỷ lệ dư nợ xấu cho vay ĐTDA/dư nợ cho vay ĐTDA	0	15,38%	12,71%

*Nguồn: Tổng hợp báo cáo hoạt động cho vay tại SCB Đà Nẵng qua các năm*

Bảng 2.10: Nợ quá hạn cho vay ĐTDA phân theo ngành kinh tế tại SCB Đà Nẵng

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Tăng /giảm	
				Số tiền	%
<b>Nợ quá hạn cho vay ĐTDA</b>	0	53.940	50.325	-3.615	-6.7
1. Công nghiệp chế biến		36.806	34.486	-2.320	-6.3
2. Vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc	0	0	0	0	0
3. Xây dựng	0	17.134	15.839	-1.295	-7.5

*Nguồn: Tổng hợp báo cáo hoạt động cho vay tại SCB Đà Nẵng qua các năm*

Nợ quá hạn cho vay ĐTDA bắt đầu phát sinh từ năm 2008 và chiếm tỷ trọng chủ yếu là ngành công nghiệp chế biến. Tuy nhiên tỷ lệ nợ quá hạn cho vay ĐTDA trên dư nợ cho vay dự án có chiều hướng giảm qua các năm, từ 15,82% vào cuối năm 2008 còn 12,71% năm 2009 mặc dù dư nợ cho vay ĐTDA năm 2009 cao hơn năm 2008.

Đến 30/09/2010, nợ quá hạn cho vay ĐTDA còn 21.266 triệu đồng, giảm 61,6% so với thời điểm cuối năm 2009, làm cho tỷ lệ nợ quá hạn cho vay ĐTDA trên dư nợ cho vay ĐTDA chỉ còn 3,96%. Đây là một dấu hiệu lạc quan về chất lượng tín dụng trong cho vay ĐTDA tại SCB Đà Nẵng.

### **2.2.2. Công tác quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư dự án**

#### **2.2.2.1. Tuân thủ chặt chẽ quy trình cho vay ĐTDA**

#### **2.2.2.2. Nhận dạng, đo lường, kiểm soát và tài trợ rủi ro**

##### **❖ Nhận dạng rủi ro**

- Tiếp xúc khách hàng
- Phân tích báo cáo tài chính của khách hàng trong vòng 3 năm gần nhất
- Phân tích hồ sơ đề nghị vay vốn
- Trực tiếp đến cơ sở kinh doanh hiện tại và địa điểm ĐTDA của khách hàng để kiểm tra
- Kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ các hồ sơ đã hoàn thành việc giải ngân

##### **❖ Đo lường rủi ro**

- Chấm điểm xếp hạng tín dụng nội bộ khách hàng doanh nghiệp lúc thẩm định hồ sơ và định kỳ hàng tháng để xếp loại khách hàng.
- Phân tích độ nhạy của dự án.

- Phân tích tình huống.

❖ **Kiểm soát và tài trợ rủi ro**

- Dựa trên kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ, SCB có chính sách cụ thể áp dụng với từng khách

- Thực hiện báo cáo và trích lập dự phòng rủi ro hàng tháng.

- Đối với các khoản nợ xấu, CBTD bám sát đơn vị, tích cực đi xuống các cơ sở để thúc giục, nghiên cứu, quản lý tình hình diễn biến kinh doanh để khi xuất hiện khoản thu sẽ tiến hành thu nợ.

- Gia hạn nợ, giãn nợ. Tăng thêm các khoản cho vay nhằm khắc phục khó khăn, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có khả năng thanh toán các khoản cho vay trước đó.

- Xử lý tài sản bảo đảm, khởi kiện, bán nợ đối với nợ không có khả năng thu hồi.

**2.2.3. Các rủi ro thường xảy ra trong cho vay ĐTDA tại SCB Đà Nẵng**

❖ Rủi ro do môi trường thiên nhiên

❖ Rủi ro về khả năng quản lý dự án của KH

❖ Rủi ro tài sản đảm bảo

❖ Rủi ro thị trường đầu vào và đầu ra của dự án

❖ Rủi ro thanh khoản của dự án

**2.2.4. Một số nguyên nhân chính dẫn đến nợ quá hạn và nợ xấu trong cho vay đầu tư dự án tại SCB Đà Nẵng**

- Khoảng 50% nợ quá hạn phát sinh là do trình độ chuyên môn nghiệp vụ của CBTD

- Khoảng 10% nợ quá hạn phát sinh xuất phát từ vấn đề đạo đức của những người làm công tác tín dụng, sự thiếu trách nhiệm trong hoạt động tín dụng

- Khoảng 20% nợ quá hạn phát sinh là do KH yếu kém trong việc



quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của dự án.

- 20% nợ quá hạn còn lại là do nguyên nhân khách quan

#### **2.2.5. Các tồn tại, hạn chế trong công tác quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư dự án**

- ❖ SCB Đà Nẵng chưa có một mô hình quản trị rủi ro tín dụng được hướng dẫn cụ thể
- ❖ Mô hình tổ chức chưa có sự phân tách độc lập
- ❖ Quy trình cho vay đầu tư dự án chỉ là quy trình chung.
- ❖ Công tác kiểm tra, giám sát khoản vay mang tính hình thức.
- ❖ Chưa xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung.
- ❖ CBTD không biết nhiều kiến thức chuyên môn về các ngành đầu tư.

### **CHƯƠNG 3**

## **GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY ĐẦU TƯ DỰ ÁN TẠI SCB ĐÀ NẴNG**

### **3.1. XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO**

#### **3.1.1. Xây dựng chính sách quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ĐTDA**

Trong chính sách quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ĐTDA, SCB Đà Nẵng cần cụ thể như sau

- Xây dựng được giới hạn tín dụng trong cho vay ĐTDA đối với từng ngành nghề.

- Xác định được mức độ rủi ro trong cho vay ĐTDA mà chi nhánh chấp nhận.

- Chi phí bỏ ra để điều tiết những tác động tiêu cực của rủi ro tín dụng trong cho vay ĐTDA khi xảy ra phải thấp hơn giá trị thiệt hại do rủi ro này gây ra.

- Khi cho vay ĐTDA có thời gian càng dài phải đảm bảo có mức độ thu nhập phụ trội cần thiết không chỉ vì lợi nhuận mà còn vì mục đích bù đắp những chi phí để điều tiết tác động của rủi ro.

- Phải có đầy đủ các hệ thống để đo lường và kiểm soát các rủi ro liên quan đến cho vay ĐTDA.

- Phải đảm bảo được rằng nhân viên của mình đã có đủ kiến thức để quản lý rủi ro tín dụng trong cho vay ĐTDA.

- Xây dựng chính sách quản lý nợ trong cho vay ĐTDA phù hợp.

#### **3.1.2. Nội dung chương trình quản trị rủi ro**

##### **3.1.2.1. Nhận dạng rủi ro**

- Lập bảng câu hỏi nghiên cứu về rủi ro đối với dự án và tiến

hành điều tra trả lời các câu hỏi

- Phân tích các báo cáo tài chính của doanh nghiệp vay vốn.
- Thanh tra hiện trường.
- Phân tích hợp đồng đầu thầu xây dựng dự án và các hợp đồng đầu vào đầu ra của dự án để nhận dạng các rủi ro có thể xảy ra đối với dự án.
- Thu thập thông tin: từ KH cung cấp, trung tâm thông tin tín dụng CIC, từ đối tác của KH, tạp chí, đài, truyền hình, mạng điện tử để nhận dạng rủi ro từ bản thân KH cũng như dự án mà KH đầu tư.

#### **3.1.2.2. Đo lường rủi ro**

Đo lường các rủi ro đã được nhận dạng ở trên thông qua hai tiêu chí: Tần suất xuất hiện và mức độ tổn thất của rủi ro đối với khoản cho vay ĐTDA. Thông thường ta đánh giá một số rủi ro có khả năng xảy ra nhiều nhất ảnh hưởng đến sự không chắc chắn đến hiệu quả của dự án: NPV, IRR, dòng tiền của dự án, gây ra tổn thất nghiêm trọng cho dự án. Phân cấp tần suất xuất và mức độ tổn thất theo mức độ từ cao đến thấp và sẽ tập trung kiểm soát những rủi ro có tần suất xuất hiện và tổn thất nghiêm trọng trước.

SCB Đà Nẵng có thể tiếp cận với các tổ chức tư vấn có kinh nghiệm và uy tín để xây dựng các mô hình đo lường rủi ro tín dụng để đo lường, dự đoán được các rủi ro tín dụng hiệu quả.

#### **3.1.2.3. Kiểm soát rủi ro**

- Né tránh các khoản cho vay ĐTDA có độ rủi ro cao.
- Chuyển giao rủi ro.
- Ngăn ngừa rủi ro.
- Ngăn ngừa và giảm thiểu tổn thất bằng cách cơ cấu lại khoản vay, phát mãi tài sản đảm bảo, tiến hành khởi kiện nếu KH quá chây ì, không hợp tác, bán khoản nợ cho tổ chức khác để thu hồi vốn.

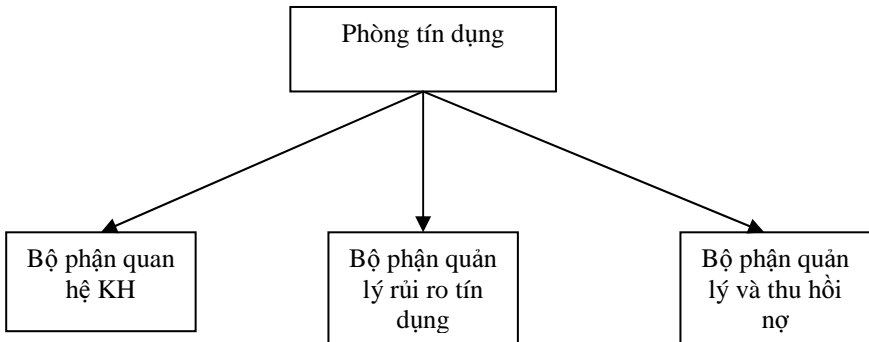
#### 3.1.2.4. Tài trợ rủi ro

- Thực hiện tốt công tác trích lập dự phòng hàng tháng theo quy định của NHNN dựa trên cơ sở phân nhóm nợ KH để bù đắp thiệt hại khi các biện pháp xử lý vẫn không đủ bù đắp khoản vay.
- Mua bảo hiểm tín dụng đối với các khoản cho vay ĐTDA
- Đề nghị khách hàng mua bảo hiểm tài sản hình thành từ vốn vay với người thụ hưởng là SCB Đà Nẵng.

### 3.2. XÂY DỰNG CƠ CẤU TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

#### 3.2.1. Phân tách chức năng cấp tín dụng

SCB Đà Nẵng cần phân tách chức năng cấp tín dụng thành các bộ phận chuyên biệt như sau:



❖ **Bộ phận bán hàng:** bộ phận này sẽ tập trung vào hoạt động tiếp thị, tiếp xúc KH. Cung cấp thông tin cho bộ phận quản lý rủi ro tín dụng, đồng thời kiểm tra giám sát quá trình thực hiện các cam kết của KH theo hợp đồng tín dụng và theo hợp đồng bảo đảm tiền vay.

❖ **Bộ phận quản lý rủi ro tín dụng:** bộ phận này sẽ thực hiện việc thẩm định, phân tích tín dụng độc lập và ra các ý kiến về cấp tín dụng cũng như giám sát quá trình thực hiện các quan hệ tín dụng của bộ phận quan hệ KH. Sau khi phân tích, bộ phận này đưa ra quyết định tín dụng để trình cấp lãnh đạo. Bộ phận này còn thực hiện việc

phân loại nhóm nợ và có các biện pháp quản trị phù hợp đối với từng nhóm.

❖ **Bộ phận quản lý và thu hồi nợ:** Công việc của bộ phận này là giải ngân, kiểm tra, giám sát sau khi cho vay. Bộ phận này cũng kiêm luôn việc thu gốc, lãi, phí của các khoản nợ, bao gồm các khoản trả trước hạn, đến hạn và các khoản quá hạn.

### **3.2.2. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận**

## **3.3. GIẢI PHÁP VỀ KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ**

### **3.3.1. Xây dựng danh mục cho vay đầu tư dự án**

SCB Đà Nẵng cần xây dựng danh mục cho vay ĐTDA dựa trên các căn cứ sau:

- Tình hình kinh tế vĩ mô, xu hướng phát triển, tiềm lực tài chính và rủi ro của các đối tượng KH, ngành, lĩnh vực trong nền kinh tế hiện nay.

- Tình hình thị trường tài chính, tiền tệ, tín dụng và môi trường cạnh tranh giữa các tổ chức tín dụng trên địa bàn.

- Phân bổ nguồn vốn cấp tín dụng cho từng ngành tham gia đầu tư một cách hợp lý, hiệu quả.

- Mức độ rủi ro trên tổng thể các khoản vay ĐTDA có thể chấp nhận được theo từng thời kỳ.

- Đưa ra các tiêu chí xác định danh mục tín dụng cho vay DTDA: theo ngành nghề đầu tư, kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ, loại tài sản đảm bảo, loại tiền và kỳ hạn vay, qui mô khoản vay, vị trí địa lý...

### **3.3.2. Hoàn chỉnh và tuân thủ chặt chẽ quy trình cho vay đầu tư dự án**

SCB Đà Nẵng cần hoàn thiện quy trình nhằm hạn chế rủi ro về nghiệp vụ đối với khoản cho vay ĐTDA đặc biệt là hoàn thiện bước

thẩm định dự án và kiểm soát khoản vay.

### **3.3.2.1. Thẩm định dự án đầu tư**

1. Xem xét, đánh giá sơ bộ theo các nội dung chính của dự án.

2. Phân tích về thị trường và khả năng tiêu thụ sản phẩm đầu ra của dự án.

3. Đánh giá khả năng cung cấp nguyên vật liệu và các yếu tố đầu vào.

4. Đánh giá, nhận xét các nội dung về phương diện kỹ thuật.

5. Đánh giá về phương diện tổ chức, quản lý thực hiện dự án.

6. Thẩm định tổng vốn đầu tư và tính khả thi phương án nguồn vốn.

7. Đánh giá hiệu quả về mặt tài chính của dự án.

8. Phân loại rủi ro và các biện pháp giảm thiểu rủi ro.

❖ *Đối với rủi ro về cơ chế chính sách:* phải xem xét mức độ tuân thủ của dự án để đảm bảo chấp hành nghiêm ngặt các luật và qui định hiện hành có liên quan tới dự án; chủ đầu tư nên có những hợp đồng ưu đãi riêng qui định về vấn đề này...

❖ *Rủi ro xây dựng, hoàn tất:* Lựa chọn nhà thầu xây dựng uy tín, có sức mạnh tài chính và kinh nghiệm; thực hiện nghiêm túc việc bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo hành chất lượng công trình; giám sát chặt chẽ trong quá trình xây dựng; hỗ trợ của các cấp có thẩm quyền, dự phòng về tài chính của KH; qui định rõ trách nhiệm vấn đề đền bù, giải tỏa mặt bằng; hợp đồng giá cố định hoặc chìa khóa trao tay với sự phân chia rõ ràng nghĩa vụ của các bên.

❖ *Rủi ro thị trường, thu nhập, thanh toán:* Nghiên cứu thị trường, đánh giá phân tích thị trường, thị phần cẩn thận; dự kiến cung – cầu thận trọng; phân tích về khả năng thanh toán, thiện ý, hành vi của người tiêu dùng cuối cùng; tăng sức cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ đầu ra của dự án ...; xem xét các hợp đồng bao tiêu

sản phẩm dài hạn với bên có khả năng về tài chính; hỗ trợ bao tiêu sản phẩm của Chính phủ; khả năng cải tiến, điều chỉnh sản phẩm đầu ra; khả năng linh hoạt của cơ cấu sản phẩm, dịch vụ đầu ra; giảm thiểu các điều khoản không cạnh tranh.

❖ *Rủi ro về cung cấp*: Đánh giá cẩn trọng các báo cáo về chất lượng, trữ lượng nguyên vật liệu đầu vào dự án; nghiên cứu sự cạnh tranh giữa các nguồn cung cấp vật tư; linh hoạt về thời gian và số lượng nguyên liệu mua vào; Những hợp đồng / thỏa thuận với cơ chế chuyển qua tới người sử dụng cuối cùng; những hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu đầu vào dài hạn với nhà cung cấp có uy tín.

❖ *Rủi ro về kỹ thuật, vận hành, bảo trì*: Sử dụng công nghệ đã được kiểm chứng; bộ phận vận hành dự án phải được đào tạo tốt, có kinh nghiệm; bảo hiểm các sự kiện bất khả kháng tự nhiên như lụt lội, động đất, chiến tranh; kiểm soát ngân sách và kế hoạch vận hành; quyền thay thế người vận hành do không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ.

❖ *Rủi ro về môi trường và xã hội*: Báo cáo đánh giá tác động môi trường được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản; nên có sự tham gia của các bên liên từ khi bắt đầu triển khai dự án; tuân thủ các qui định về môi trường.

❖ *Rủi ro kinh tế vĩ mô*: Phân tích các điều kiện kinh tế vĩ mô cơ bản; sử dụng các công cụ thị trường như hoán đổi và tự bảo hiểm; Đảm bảo/ cam kết của Nhà nước về phá giá tiền tệ và cung cấp ngoại hối .

### **3.3.2.2. Biện pháp bảo đảm tiền vay**

Vì tài sản bảo đảm cho cá khoản vay ĐTDA thường là các tài sản hình thành từ vốn vay nên việc đánh giá, kiểm tra tài sản bảo đảm cần được tiến hành nghiêm túc, chặt chẽ. Phải đưa ra tỷ lệ cho vay trên tài sản bảo đảm phù hợp tùy theo khách hàng. Qua đó nhằm

phòng ngừa rủi ro xảy ra tranh chấp tài sản khi pháp lý chưa hoàn chỉnh, hay giá trị tài sản giảm khi xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi khoản nợ đã cho vay trong trường hợp dự án không đem lại hiệu quả, không đủ khả năng trả nợ.

### **3.3.3. Tăng cường kiểm tra, giám sát trước trong và sau khi cho vay**

- Thực hiện việc kiểm soát tất cả những hoạt động trong quá trình cho vay đầu tư dự án từ khâu tiếp nhận, xét hồ sơ vay vốn, thẩm định hồ sơ, thẩm định trực tiếp khách hàng, quyết định cấp tín dụng, giải ngân đến khâu thu nợ phải đảm bảo theo đúng quy trình.

- Đối chiếu giữa mục đích vay, yêu cầu giải ngân và cơ cấu các chi phí trong nhu cầu vốn của khách hàng, đảm bảo việc sử dụng vốn vay có đầy đủ chứng từ chứng minh và hợp lệ. Hạn chế giải ngân bằng tiền mặt trừ những trường hợp đặc thù và chỉ áp dụng phương thức thanh toán chuyển khoản.

- Cần nghiêm túc thực hiện công tác thanh tra hiện trường.

- Theo dõi, giám sát quá trình thực hiện dự án để đảm bảo dự án thực hiện theo đúng tiến độ, đúng yêu cầu kỹ thuật và đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Theo dõi quá trình hoạt động của dự án sau khi hoàn thành: đánh giá khả năng tiêu thụ, khả năng cạnh tranh của sản phẩm và khả năng cung ứng sản phẩm của dự án, chi phí giá vốn.... Bên cạnh đó cần theo dõi chặt chẽ dòng tiền của dự án trong quá trình vận hành khai thác dự án để đảm bảo nguồn trả nợ cho ngân hàng.

- Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ, cần tập trung và tăng tần suất kiểm tra các khách hàng có nợ xấu, đánh giá việc thực thi các biện pháp quản lý nợ có vấn đề và khả năng thu hồi nợ. Công tác kiểm tra nội bộ cần thực hiện có trọng điểm, theo các ngành nghề, lĩnh vực đang tiềm



ẩn nguy cơ rủi ro để kịp thời chấn chỉnh và đề xuất các giải pháp để tăng cường khả năng phòng ngừa rủi ro cho vay.

#### **3.3.4. Xây dựng hệ thống quản lý và cập nhật thông tin hiệu quả**

❖ Xây dựng cơ chế trao đổi thông tin hiệu quả, đảm bảo sự liên lạc thường xuyên, liên tục và cập nhật kịp thời các thông tin trọng yếu giữa các bộ phận chức năng trong hoạt động cấp tín dụng.

❖ Nâng cao tính thực tiễn và khả năng đánh giá chính xác của hệ thống xếp hạn tín dụng nội bộ đối với cho vay ĐTDA.

### **3.4. GIẢI PHÁP VỀ CÔNG TÁC NHÂN SỰ**

#### **3.4.1. Đưa ra quy chuẩn đạo đức trong hoạt động kinh doanh tín dụng**

#### **3.4.2. Kế hoạch đào tạo cán bộ**

#### **3.4.3. Áp dụng chế độ thưởng phạt đối với cán bộ**

### **3.5. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

🚩 Nâng cao chất lượng hoạt động của trung tâm thông tin tín dụng CIC

🚩 Kiểm soát chặt chẽ hoạt động tín dụng tại các NHTM

🚩 Tăng cường mối quan hệ giữa các hiệp hội ngành nghề với các thành viên

## KẾT LUẬN

Hoạt động kinh doanh ngân hàng luôn gắn liền với các rủi ro vốn có của nó đặc biệt là rủi ro tín dụng. Và hậu quả của rủi ro tín dụng thường rất nặng nề, không những ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng mà còn ảnh hưởng dây chuyền đến nền kinh tế của quốc gia.

Rủi ro tín dụng nói chung cũng như rủi ro tín dụng trong cho vay ĐTDA luôn gắn liền với hoạt động tìm kiếm lợi nhuận của ngân hàng, không thể loại bỏ hoàn toàn rủi ro mà chỉ có thể áp dụng các biện pháp để phòng ngừa và giảm thiểu thiệt hại tối đa khi rủi ro xảy ra. Đứng trên quan điểm này, luôn luôn có một tỷ lệ nợ quá hạn, nợ xấu, tổn thất dự kiến đối với hoạt động cho vay ĐTDA và các hoạt động tìm kiếm lợi nhuận khác của ngân hàng trong chiến lược hoạt động chung. Khi Ngân hàng kinh doanh với một mức tổn thất trong cho vay ĐTDA thấp hơn hoặc bằng tỷ lệ dự kiến thì đó là sự thành công trong lĩnh vực quản lý rủi ro tín dụng trong cho vay ĐTDA. Do đó, ngân hàng phải bằng nhiều biện pháp trong công tác quản lý của mình để hạn chế tối đa rủi ro nhằm đạt tới mục tiêu hoạt động an toàn, hiệu quả trong cho vay ĐTDA.

Với lý do trên, qua đề tài nghiên cứu tác giả nhằm đưa ra một số khái niệm cơ bản về rủi ro tín dụng trong cho vay ĐTDA và quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ĐTDA làm cơ sở lý luận. Bên cạnh đó, đề tài còn phân tích thực trạng công tác quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ĐTDA tại ngân hàng SCB Đà Nẵng trong mấy năm qua. Dựa trên cơ sở lý thuyết và thực trạng công tác quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ĐTDA tại SCB Đà Nẵng, tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư dự án tại SCB Đà Nẵng theo chuẩn mực quốc tế hiện nay.